TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 08 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Bà Lý Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2022, các văn bản kèm theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày:

Vào ngày 10/8/2020 bà Lý Thị S có mua điện thoại hiệu Sámung tại cửa hàng của ông còn nợ số tiền 13.760.000 đồng, bà S có ký biên nhận nợ, yêu cầu trả 10 tháng và cam kết trả tiền vài ngày 11 hàng tháng là 1.376.000 đồng, bà Lê Thị P có ký biên nhận nợ bảo lãnh với số tiền là 13.760.000 đồng. Sau

đó bà P có trả được 5.000.000 đồng vào các ngày 18/3/2021, 16/4/2021, 17/5/2021, 07/8/2021 và ngày 03/10/2021.

Ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng bà S và bà P không thực hiện và cứ hứa hẹn cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị S và bà Lê Thị P trả cho ông với số tiền là 8.760.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Lý Thị S và bà Lê Thị P đúng quy định pháp luật. Nhưng bà Lý Thị S và bà Lê Thị P vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt S với bà Lý Thị S và bà Lê Thị P được xác định là "Hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà Lý Thị S và bà Lê Thị P có nơi cư trú tại huyện Phú Tân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lý Thị S và bà Lê Thị P được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng bà Lý Thị S và bà Lê Thị P không cung cấp chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lý Thị S và bà Lê Thị P.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

Ông Nguyễn Việt S xác định giữa ông và bà Lý Thị S và bà Lê Thị P có thỏa thuận mua bán tài sản cụ thể là vào ngày 10/8/2020 bà Lý Thị S có mua điện thoại hiệu Sámung còn nợ số tiền 13.760.000 đồng, có ký biên nhận nợ và cam kết trả nợ, bà P có ký biên nhận nợ và cam kết trả nợ với số tiền 13.760.000 đồng. Từ khi ký nhận nợ và cam kết đến nay bà P có trả cho ông 5.000.000 đồng vào các ngày 18/3/2021, 16/4/2021, 17/5/2021, 07/8/2021 và ngày 03/10/2021. Bà S và bà P còn nợ lại ông số tiền là 8.760.000 đồng.

Bà Lý Thị S và bà Lê Thị P có nợ tiền của ông Nguyễn Việt S là thực tế xảy ra và để nợ quá hạn do bà S và bà P phải trả cho ông S. Phía ông S đã nhiều lần yêu cầu bà S và bà P thực hiện nhưng bà S và bà P không thanh toán cho ông S. Ông S có cung cấp Biên nhận nợ và phiếu thanh toán có nội dung về việc nợ tiền mua điện thoại, bà Lý Thị S và bà Lê Thị P có ký tên đúng như ông S trình bày. Đối với bà Lý Thị S và bà Lê Thị P không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp, bà Lý Thị S và bà Lê Thị P cũng không có yêu cầu phản tố. Do đó bà Lý Thị S và bà Lê Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Việt S và buộc bà Lý Thị S và bà Lê Thị P trả cho

Nguyễn Việt S tổng số còn nợ là 8.760.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa ông Nguyễn Việt S không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nay buộc bà Lý Thị S và bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Lý Thị S và bà Lê Thị P cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền nợ là 8.760.000 đồng (tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Lý Thị S và bà Lê Thị P cùng liên đới phải chịu 638.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền số 0018311 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay hoàn lại toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Ông Nguyễn Việt S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bà Lý Thị S và bà Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng